| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 12 – LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 06/2026/QĐST-HNGĐ | *Lâm Đồng, ngày 23 tháng 01 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
# TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – LÂM ĐỒNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 03/2026/TLST-VDS ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu:**

- Ông Huỳnh Ngọc H – Sinh năm 1994.
- Bà Trần Thị Thu N – Sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Hàm Liêm, tỉnh Lâm Đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về quan hệ hôn nhân**: Ông Huỳnh Ngọc H và bà Trần Thị Thu N thuận tình ly hôn với nhau.

**Về con chung**: Bà Trần Thị Thu N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Ngọc Thiên B – Sinh ngày 21/01/2019.

**Về mức cấp dưỡng và phương thức nuôi con**:

Ông Huỳnh Ngọc H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông Huỳnh Ngọc H tự nguyện, đồng ý, thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Ngọc Thiên B – Sinh ngày 21/01/2019 mỗi tháng 3.000.000đồng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả  năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Về tài sản và nợ:** Ông Huỳnh Ngọc H, bà Trần Thị Thu N thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết.

**Về các vấn đề khác**: Không.

**2. Về lệ phí Tòa án:**

Ông Huỳnh Ngọc H, bà Trần Thị Thu N, mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Huỳnh Ngọc H, bà Trần Thị Thu N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000899 ngày 14/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông Huỳnh Ngọc H, bà Trần Thị Thu N đã nộp đủ lệ phí Tòa án nên không phải nộp nữa.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Võ Văn**